

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá cụ thể, giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 300/TTr-STC ngày 03/8/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá cụ thể, giá tối đa dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh

1. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng trả tiền dịch vụ: Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

b) Đối tượng thu tiền dịch vụ: Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ (Ban quản lý, Tổ quản lý, Doanh nghiệp, Hợp tác xã) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước và đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

a) Đối với điểm kinh doanh cố định, thường xuyên tại chợ (đồng/m²/tháng):

- Thành phố Buôn Ma Thuột:

TT	Hạng chợ	Mức giá/vị trí kinh doanh			
		Vị trí 01	Vị trí 02	Vị trí 03	Vị trí 04
1	Chợ hạng 1	70.000	60.000	40.000	30.000
2	Chợ hạng 2	60.000	50.000	30.000	20.000
3	Chợ hạng 3	50.000	40.000	20.000	10.000

- Thị xã Buôn Hồ:

TT	Hạng chợ	Mức giá/vị trí kinh doanh			
		Vị trí 01	Vị trí 02	Vị trí 03	Vị trí 04
1	Chợ hạng 2	50.000	40.000	30.000	20.000
2	Chợ hạng 3	40.000	30.000	20.000	10.000

- Các huyện: Cư M'gar, Ea H'Leo, Ea Kar, Krông Ana:

TT	Hạng chợ	Mức giá/vị trí kinh doanh			
		Vị trí 01	Vị trí 02	Vị trí 03	Vị trí 04
1	Chợ hạng 2	100.000	80.000	60.000	40.000
2	Chợ hạng 3	50.000	40.000	30.000	20.000

- Các huyện còn lại:

TT	Hạng chợ	Mức giá/vị trí kinh doanh			
		Vị trí 01	Vị trí 02	Vị trí 03	Vị trí 04
1	Chợ hạng 2	60.000	50.000	40.000	30.000
2	Chợ hạng 3	40.000	30.000	20.000	10.000

b) Đối với người buôn bán không cố định, không thường xuyên:

Chợ hạng 1: 5.000 đồng/người/ngày;

Chợ hạng 2: 3.000 đồng/người/ngày;

Chợ hạng 3: 2.000 đồng/người/ngày.

c) Mức giá quy định trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định;

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm xây dựng phương án phân loại điểm kinh doanh cố định theo vị trí kinh doanh (vị trí 01, vị trí 02, vị trí 03, vị trí 04) phù hợp với điều kiện thực tế tại chợ, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo phân cấp quản lý chợ làm căn cứ thực hiện giá dịch vụ.

3. Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước

a) Mức giá:

Chợ hạng 1: 300.000 đồng/m²/tháng;

Chợ hạng 2: 200.000 đồng/m²/tháng;

Chợ hạng 3: 120.000 đồng/m²/tháng.

b) Mức giá quy định trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng theo luật định.

c) Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm xây dựng mức giá cụ thể, phù hợp với vị trí và điều kiện thực tế kinh doanh tại chợ nhưng không được vượt quá mức giá tối đa quy định trên, gửi mức giá cụ thể đến cơ quan quản lý theo phân cấp quản lý giá và quản lý chợ để tổng hợp, theo dõi việc tổ chức thực hiện.

4. Vị trí kinh doanh được phân loại theo các tiêu chí sau

Vị trí 01: Là các quầy (sạp) có vị trí kinh doanh đặc biệt thuận lợi, mặt tiền hướng đường chính (quốc lộ, tỉnh lộ) hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên ngoài chợ, có khả năng sinh lời cao nhất;

Vị trí 02: Là các quầy (sạp) có vị trí kinh doanh thuận lợi, mặt tiền hướng đường nội bộ bên ngoài chợ hoặc có hai mặt tiền đường nội bộ bên trong nhà lồng chính của chợ, có khả năng sinh lời cao;

Vị trí 03: Là các quầy (sạp) có vị trí kinh doanh mặt hướng đường nội bộ bên trong nhà lồng chính của chợ; không bị che khuất bởi các cột của nhà lồng chính và các góc bị che khuất của chợ;

Vị trí 04: Là các quầy (sạp) kinh doanh còn lại trong chợ.

Điều 2. Chứng từ thu tiền; Quản lý và sử dụng tiền thu được từ dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ

1. Đơn vị thu tiền dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ sử dụng hóa đơn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật, đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Cơ quan Thuế có trách nhiệm hướng dẫn việc phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ, hóa đơn theo quy định hiện hành.

3. Giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ triển khai thực hiện giá dịch vụ theo đúng quy định; rà soát các yếu tố chi phí đầu vào, xây dựng phương án giá cụ thể đối với từng chợ, kiến nghị sửa đổi, bổ sung những nội dung chưa phù hợp; tổng hợp, đề xuất Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền.

4. Đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ thực hiện công khai niêm yết giá, thu đúng theo mức giá dịch vụ được quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng đơn vị cung cấp dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2017./. ml

Nơi nhận

- Như Điều 4;
- Website Chính phủ;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông;
- Website tỉnh, Công báo tỉnh;
- Báo Đắk Lắk, Đài PT&TH tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Các phòng CM thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TVT- 60b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị